

THỬ TÌM HIỂU PHÁT NGÔN TỪ, TỪ SỰ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ NGÔN NGỮ VÀ PHI NGÔN NGỮ TRONG HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP

NGUYỄN CHÍ HÒA

1. - Hãy xét đoạn đối thoại dưới đây :

(1) a1 - Mày không có chị em à "

b1 - *Mỗi*

a2 - Mày còn thầy u, chú bác mày không ?

b2 - *Tiệt*

a3 - Trước khi chết sao thầy u mày không lấy vợ cho mày ?

b3 - Nào có lấy

(2) a1 - Sao biết Hương học ở trường đó ?

b1 - Biết chứ

a2 - Hồng biết

b2 - Hương !

a3 - *Dùng*

Trong các phát ngôn được sử dụng ở hai đoạn đối thoại này, nếu tách "*mỗi*" "*tiệt*" "*dùng*"... ra khỏi ngữ cảnh thì chúng không có ý nghĩa xác định. Song, cũng không thể phủ nhận được sự tồn tại khách quan của chúng trong giao tiếp và trong văn bản hội thoại.

2.1 - Trong các công trình nghiên cứu ngữ pháp nhà trường trước đây người ta không đề cập tới hiện tượng ngữ pháp "câu-một từ". Theo khuynh hướng này, câu ít ra phải là một mệnh đề. [1/113]. Nguyễn Lân có đề cập đến "câu - một từ" nhưng lại cho rằng "từ ấy phải là một từ vị ngữ" như khi ta bảo một em bé đang trèo cây "*Xuống*" hoặc ta bảo một em bé đang khóc "*Nín*" [2/46]

2.2 - Những năm gần đây, phần lớn các nhà ngữ pháp cho rằng "Câu một từ cũng là một dạng của câu không đầy đủ thành phần" [3/175]. Một số khác gọi chúng là "câu đặc biệt" và cho rằng "câu đơn đặc biệt được làm thành từ một từ hoặc một cụm từ (trừ cụm chủ-vị)..." [4/164]. Các tác giả Ủy ban Khoa học Xã hội thì xác định "Câu đơn đặc biệt là loại câu bao gồm nòng cốt đơn, tức nòng cốt một thành phần" [10/187].

Nói chung, các nhà nghiên cứu ở mức độ khác nhau, đều thừa nhận có loại câu một

từ, mặc dù về mặt cấu trúc "chúng chưa đủ tư cách một câu", song "nhờ có hình thức hoàn chỉnh của một phát ngôn mà chúng được đặc cách hoạt động ngang hàng với câu". [5/37]. Tuy nhiên, đó mới chỉ là sự chấp nhận chưa có sự giải quyết thỏa đáng; cho nên kéo theo nó là một loạt thuật ngữ mới chưa có ranh giới khái niệm rõ ràng: "Câu tình lược", "Ngữ trực thuộc", "câu đặc biệt", "câu dưới bậc", "câu - một từ"...

3. Trên cứ liệu có được từ văn bản hội thoại và các phát ngôn trong giao tiếp, chúng tôi gọi "câu - một từ" là phát ngôn - từ, xem xét nó trong sự tác động qua lại và tính qui định lẫn nhau của các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp.

3.1 - Phát ngôn - Từ là một hiện tượng phổ biến trong hoạt động giao tiếp. Nó vừa là từ đồng thời vừa là phát ngôn. Vấn đề đặt ra là:

- Trong điều kiện nào một từ có thể hành chức như một phát ngôn?
- Làm thế nào để xác định được ngữ nghĩa của phát ngôn-từ?
- Phân loại phát ngôn-từ như thế nào?

3.2.1- Để xác định ý nghĩa của từ, người ta căn cứ vào ngữ cảnh của nó. Ngữ cảnh của từ có thể là một tổ hợp từ dưới câu như: [(3) nhà thơ, nhà ngói...] có thể là một câu [(4) Nhà nhớ đón con về sớm nhé] và cũng có thể là một đoạn văn hay văn bản hoàn chỉnh [8, 9]. Song, phổ biến hơn hết là tổ hợp từ và câu. Ngữ cảnh lựa chọn xác định một ý nghĩa nhất định và gạt bỏ những ý nghĩa tiềm tàng khác. Ngữ cảnh không chỉ tác động đến ý nghĩa từ vựng của từ mà còn tác động đến ý nghĩa cú pháp của nó. Ngữ cảnh cho phép thâm nhận được sự thống nhất từ vựng và ngữ pháp trong chuỗi lời nói. Đây không chỉ là quy luật của từ mà là quy luật của các đơn vị ngôn ngữ nói chung. Song, vấn đề được đặt ra là ngữ nghĩa của từ với tư cách là phát ngôn được xác định như thế nào? Nói cách khác, ngữ cảnh của phát ngôn - từ là gì và làm thế nào để xác định được giá trị ngữ nghĩa - cú pháp của nó trong giao tiếp?

Xét câu: (5) - thằng ấy đồ lắm. Để thấy rằng "đồ" được biểu hiện là "cách mạng". Trong trường hợp này, ngữ cảnh của "đồ" là câu. Do câu, xét về mặt cấu trúc là bậc trên từ, nên khi xác định nghĩa từ, câu có thể là ngữ cảnh của từ. Trong khi đó, phát ngôn - từ là đơn vị của đoạn văn; văn bản - lớp đơn vị trên câu, do đó, ngữ cảnh của nó không thể là đơn vị dưới câu hoặc câu. Ở (5) nghĩa của một từ cụ thể X được xét trong quan hệ ngữ nghĩa với $X_1, X_2...X_n$ - là những thành tố tạo thành ngữ cảnh. Các đơn vị này được phân bổ theo trục ngang và được xác định nhờ quan hệ cú đoạn. Khi xác định phát ngôn - từ về phương diện ngữ nghĩa và ngữ pháp, do đặc trưng về cấu trúc và ngữ nghĩa của mình không thể chỉ căn cứ vào bản thân phát ngôn và các đơn vị xung quanh với tư cách - là các đơn vị theo chiều ngang. Chẳng hạn, ta có hai phát ngôn:

(6) a - Cô ấy thường mặc áo gì?. (6)b - đồ

"Đồ" ở (6b) không thể hiểu như đồ ở (5). Nó được quy định bởi đơn vị ngay liền trước nó. Như vậy, nếu "đồ" ở (5) được xác định trong nội bộ câu, thì "đồ" ở (6b) được quy định bởi phát ngôn ngoài cấu trúc của nó.

3.2.2 - Lại xét ví dụ:

(7) a1 - Hạ thiếu nợ anh Nguyễn

b - Bao giờ ? Cái gì ?

a2 - Thuốc lá.

Cấu trúc và ngữ nghĩa của (7a2) trong ví dụ này, không chỉ phụ thuộc vào (7b) mà phụ thuộc vào cả (7a). Do vậy, có thể thấy rằng ngữ cảnh tối thiểu của phát ngôn - từ (7a2) là một tập hợp gồm hai phát ngôn (7a1) và (7a2). Điều đó có nghĩa là ngữ cảnh của phát ngôn-từ có thể là một chỉnh thể cú pháp phức hợp gồm nhiều phát ngôn. Nó có thể là một đoạn thoại, có khi cả một cuộc thoại chứa phát ngôn từ đó.

3.3.1- Nếu quan sát kỹ hơn với khối lượng ngữ liệu phong phú và đa dạng các phát ngôn-từ trong ngôn ngữ hội thoại không tránh khỏi phải viện tới *bối cảnh ngôn ngữ*. Nói một cách khác, tác động đến các phát ngôn từ không chỉ là các yếu tố của hệ thống ngôn ngữ mà còn có cả các yếu tố *ngoài hệ thống ngôn ngữ*. Chẳng hạn, "đừng" (2) chỉ có thể xác định nhờ vào các yếu tố phi ngôn ngữ. Các yếu tố này có thể là vật thể được cảm nhận bằng giác quan, có mặt trong cuộc thoại.

3.3.2- Yếu tố phi ngôn ngữ có thể là những tri thức chung của những người đối thoại. Người đầu tiên đề cập đến vấn đề này là L. P. Jakubinski, ông cho rằng : Sự tri giác và sự hiểu biết của chúng ta không chỉ được kích thích bằng lời nói bên ngoài mà trước hết là những kinh nghiệm bên trong - những kinh nghiệm thường ngày của chúng ta. Thật vậy, nghĩa của "xanh" và "đỏ" trong (8) chỉ hiển minh trong một cộng đồng hẹp với những tri thức thường ngày của họ :

(8) a - Anh lấy bằng xanh hay bằng đỏ ?

b - Xanh.

Sự hiểu biết chung - hẹp của những người đối thoại đã tạo ra cho phát ngôn ý nghĩa "bí hiểm" và chúng được rút đến cực ngắn về mặt cấu trúc. Đây cũng là một điều kiện để tạo nên các phát ngôn-từ.

Nhờ sự trợ giúp kín đáo của các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ đã tạo ra phát ngôn-từ, mà ở [9] chúng tôi gọi là *phát ngôn ngữ cảnh*. Điều đó kéo theo các loại tác tố có ý nghĩa, đó là các phát ngôn đã bay vào không khí (các âm thanh ngôn ngữ) và các yếu tố không gian - thời gian, nhận thức của những người đối thoại xuất hiện trong cuộc thoại. Nhờ các hệ tác tố này, mọi vị trí rỗng trong mô hình cấu trúc phát ngôn đầy đủ sẽ được lấp đầy và nghĩa phát ngôn trở nên hiển minh.

4. Phát ngôn ngữ cảnh-từ có những đặc điểm cơ bản dưới đây :

4.1 - Xét về hình thức, phát ngôn chỉ có một từ.

4.2 - Ý nghĩa của phát ngôn được quy định bởi ngữ cảnh.

4.3 - Bằng ngữ tri của mình, phát ngôn từ chỉ ra vị trí không được biểu đạt.

5. Căn cứ vào ngữ cảnh, phát ngôn ngữ cảnh-từ có thể có các loại :

5.1 - Phát ngôn từ - Ngôn cảnh. Đó là những phát ngôn bị chi phối bởi các tác tố của hệ thống ngôn ngữ (V.D.1) Căn cứ vào vị trí trước và sau của tác tố chi phối, (5.1) gồm có :

5.1.1- Phát ngôn từ ngữ cảnh trước (v.d.1)

5.1.2- Phát ngôn từ ngữ cảnh sau (v.d : Đúng. Trưa rồi)

5.1.3- Phát ngôn từ ngữ cảnh trước - sau :

(v.d : - Nhờ cô gửi cho thằng Hai nhà này bức điện.

- Bác giai...

- Vâng, nhà tôi trở bệnh)

5.2 - Phát ngôn từ ngữ cảnh ngoại thức. Đó là phát ngôn được hình thành do tác động của các hành động, vật thể được cảm nhận bằng giác quan (v.d:2)

5.3 - Phát ngôn từ ngữ cảnh nội thức. Đó là phát ngôn được hình thành bởi những tri thức riêng của những người tham gia hội thoại. (v.d :8).

Trên đây là kết quả nghiên cứu thử nghiệm về một dạng đặc biệt của phát ngôn trong sự tồn tại thực của lời nói. Chúng tôi hy vọng rằng kết quả này sẽ làm rõ thêm tính hiển nhiên tồn tại của các đơn vị ngôn ngữ đa chức năng, cụ thể là tư cách hình vị, tư cách từ, tư cách phát ngôn - câu của cùng một hình thái ngôn ngữ. Kết quả nghiên cứu này cũng cho phép nghĩ đến khái niệm nghĩa ký hiệu và nghĩa tình huống trong ngôn ngữ học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồng Dân. Trở lại vấn đề "câu đặc biệt" trong quyển "Hội nghị giữa các nước Xã hội chủ nghĩa về ngôn ngữ phương Đông" Viện ngôn ngữ học H. 1986
2. Nguyễn Lân. Một vài ý kiến về phân tích thành phần câu : ngôn ngữ. số 2 tr 46
3. Hoàng Trọng Phiến. Ngữ pháp tiếng Việt. Câu H. 1980
4. Diệp Quang Ban. Câu đơn tiếng Việt. GD. H. 1987.
5. Trần Ngọc Thêm. Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. KHXH. H. 1985.
5. J. R. Firth. Modes of meaning in "papers in linguistics 1934-1951" London P. 190
7. Theo bài báo của V. I. Koduknov "Ngữ cảnh như một khái niệm ngôn ngữ" trong quyển "Những đơn vị ngôn ngữ và ngữ cảnh" L.G.U. 1973.
3. G.V.Kolsanxki. "Về khái niệm ngữ cảnh ngữ nghĩa" trong quyển "lý thuyết ngôn ngữ" M. 1976.
9. Nguyễn Chí Hòa, phát ngôn ngữ cảnh. "Tạp chí Khoa học" ĐHTHVN số 6. 1991
10. UBKHXH. Ngữ pháp tiếng Việt. H. 1983.

THE PROBLEMS OF ONE WORD SENTENCE IN ITS RELATIONSHIP TO THE CONTEXT

Nguyen Chi Hoa

This article presents the role of context, and then gives the characteristics and classification of one word sentence.